

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DSST
Ngày: 26 - 3 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM**

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nguyệt.
2. Ông Nguyễn Hữu Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn THnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2017/TLST- DSST ngày 04 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2017/QĐXX-ST ngày 08 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trương Văn H, sinh năm 1975 “có mặt”.

Địa chỉ: S, xã P, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1976 “có mặt”.

Chị Giáp Thị Mười, sinh năm 1978 “có mặt”.

Cùng địa chỉ: S, xã P, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Tổng Thị T Anh, sinh năm 1978 “vắng mặt”.

Địa chỉ: S, xã P, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/10/2017, bản tự khai và tại Phiên tòa nguyên đơn anh Trương Văn H trình bày:

Vào ngày 30/6/2017 (Dương lịch) vợ chồng anh có cho vợ chồng anh Nguyễn

Văn B và chị Giáp Thị Mười vay số tiền 90 triệu đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1000đ/1 triệu/ 1 ngày. Khi vay tiền chỉ có một mình anh B đến vay và có ký vào giấy biên nhận. Thời hạn trả nợ là ngày 15/7/2017. Mục đích anh B vay tiền là để trả tiền Hng của gia đình. Đến thời hạn thanh toán anh nhiều lần đòi tiền vợ chồng anh B nhưng anh B không trả. Nay vợ chồng anh B cho rằng đã trả số nợ trên cùng với tiền lãi anh không đồng ý vì anh khẳng định là vợ chồng anh B chưa trả được gốc là lãi khoản vay trên. Anh xác định số tiền cho anh B vay là tài sản chung của vợ chồng. Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu đòi anh B và chị Mười phải trả vợ chồng anh số tiền vay, gốc là 90 triệu đồng, lãi suất trong quá trình giải quyết vụ án anh yêu cầu tính lãi theo mức 1%/tháng nhưng tại phiên tòa anh H chỉ yêu cầu 0,75%/ tháng tính từ ngày vay 30/6/2017 cho đến kết thúc phiên tòa xét xử vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án anh có ủy quyền cho bố anh là ông Trương Văn Quyết thay mặt anh để giải quyết vụ án vì công việc bận nhưng tại phiên tòa anh rút ủy quyền, anh tự trình bày quan điểm của mình.

Tại bản tự khai ngày 20/12/2017, các lời khai tiếp theo và tại Phiên tòa bị đơn, anh Nguyễn Văn B trình bày:

Vào ngày 30/6/2017 anh có đến nH anh H vay số tiền là 90 triệu đồng. Khi vay hai bên có làm giấy biên nhận, anh điền tên và ký vào giấy vay tiền đúng là giấy vay tiền anh H nộp tại Tòa án. Khi vay lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 1000đ/1 triệu/ 1 ngày. Thời hạn thanh toán thỏa thuận chỉ vài ngày sau sẽ trả, còn ngày thanh toán ghi trong giấy vay tiền ngày 15/7/2017 là do anh B tự ghi vào. Mục đích anh vay tiền về là để trả tiền Hng của gia đình. Việc vay nợ này vợ anh là chị Giáp Thị Mười cũng biết. Anh xác định sau ngày vay tiền khoảng 1 tháng anh H có gọi điện đòi tiền vay trên nhưng anh không trả vì lý do vào ngày 11/7/2017 hai vợ chồng anh đã lên trả khoản nợ trên cùng với tiền lãi (nay anh không nhớ trả bao nhiêu tiền lãi), lúc trả tiền hai vợ chồng anh H đều có nH, ngoài ra không có ai khác. Khi thanh toán tiền xong anh H có xé rời tờ giấy vay tiền ra khỏi tập gim, anh nghĩ xé vậy là xong nợ, cũng không yêu cầu anh H phải đưa lại giấy vay tiền gốc. Nay anh không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh H yêu cầu trả số tiền gốc 90 triệu tiền gốc và tiền lãi 0.75%/tháng.

Tại biên bản lấy lời ngày 20/12/2017 và tại Phiên tòa bị đơn chị Giáp Thị Mười trình bày:

Do có nhu cầu cần có vốn làm ăn, vào ngày 30/6/2017 (dương) chồng chị (anh B) có đến nH anh H vay tiền. Số tiền vay là 90 triệu đồng, hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng bằng miệng ngoài là 1000đ/1 triệu/ 1 ngày. Khi vay hai bên có làm giấy biên nhận, anh B đứng ra ký nhận vay nợ với anh H. Việc vay tiền này chị có được biết và số tiền 90 triệu anh B có mang về để sử dụng chung vào mục đích gia đình. Sau khi vay số tiền 90 triệu đồng ngày 30/6/2017, hai vợ chồng chị có lên trả tiền cho anh H vào ngày 11/7/2017, lúc đó có cả hai vợ chồng anh H ở nH. Khi trả tiền, chị còn nhớ anh H tính tiền lãi còn thiếu 1.090.000đ, hai ngày sau anh B mang trả nốt. Khi trả 90 triệu đồng anh H có xé giấy vay tiền ra khỏi quyển sổ. Do tin tưởng nghĩ là

xé ra khỏi quyển sổ thì là đã thanh toán xong, vợ chồng chị quên không mang giấy vay tiền về, nay anh H lại lấy giấy vay đó khởi kiện đòi tiền vợ chồng chị là không đúng. Nay anh H khởi kiện vợ chồng chị yêu cầu trả số tiền gốc 90 triệu, cùng lãi suất 0,75%/tháng chị không đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 20/12/2017 và tại Phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tổng Thị T Anh trình bày:

Vào ngày 30/6/2017 anh H chồng chị có cho anh B vay số tiền 90 triệu đồng, chị xác định số tiền này là tài sản chung của vợ chồng chị. Việc vay tiền là do anh H trực tiếp cho vay. Nay anh B và chị Mười khai đã trả số nợ trên và khi mang trả tiền có mặt chị ở nhà là không đúng. Chị thống nhất yêu cầu khởi kiện của chồng chị là yêu cầu vợ chồng anh B phải thanh toán cho vợ chồng chị số tiền 90 triệu gốc, lãi 0,75%/tháng, tính lãi từ ngày 30/6/2017 cho tới khi kết thúc phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Trong vụ án này nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận với nhau được lãi suất chậm thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 463; Điều 466; Điều 468; 469; 470 Bộ luật dân sự. Điều 147, 228; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn H.
2. Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Giáp Thị Mười phải thanh toán trả cho vợ chồng anh Trương Văn H và chị Tổng Thị T Anh số tiền gốc 90.000.000đ. Tiền lãi 0,75%/tháng tính từ ngày 30/6/2017 đến ngày 26/3/2018 là 08 tháng 26 ngày là 5.985.000đ. Tổng gốc và lãi: 90.000.000đ + 5.985.000đ = 95.985.000đ.
3. Vợ chồng anh B, chị Mười phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Chị Tổng Thị T Anh là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vụ án.

[2] **Về nội dung:** Vợ chồng anh B, chị Mười thừa nhận có việc vay tiền của vợ chồng anh H, chị T Anh vào ngày 30/6/2017, anh B đại diện ký nhận nợ và đúng là giấy vay tiền nguyên đơn khởi kiện. Nay vợ chồng anh B, chị Mười cho rằng vào ngày 11/7/2017 đã thanh toán cho vợ chồng anh H khoản nợ trên cả gốc và lãi nhưng không đưa ra được căn cứ chứng

minh việc đã thanh toán nợ. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là giấy vay tiền gốc ngày 30/6/2017, xác định đây là giao dịch dân sự hợp pháp, hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi. Đến thời hạn thanh toán bên vay tiền không thực hiện việc trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Về mức lãi các bên thỏa thuận miệng là 1.000đ/1 triệu/1 ngày là cao so với quy định nhưng tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu mức lãi 0,75%/tháng kể từ ngày vay cho đến kết thúc phiên tòa xét xử sơ thẩm xét thấy là phù hợp với quy định pháp luật. Do vậy cần áp dụng các Điều 463, Khoản 5 Điều 466, Điều 468, Điều 469, Khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự buộc vợ chồng anh B chị Mười phải cùng có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng anh H, chị T Anh số tiền gốc 90.000.000đ. Tiền lãi 0,75%/tháng tính từ ngày 30/6/2017 đến ngày kết thúc phiên tòa sơ thẩm 26/3/2018 là 08 tháng 26 ngày là: 5.985.000đ tiền lãi. Tổng gốc và lãi là: 95.985.000đ.

Vợ chồng anh B, chị Mười còn phải trả lãi chậm thi Hành án theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền phải thi Hành.

[3] **Về án phí:** Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 là $95.985.000đ \times 5\% = 4.799.000đ$.

[4] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463; Khoản 5 Điều 466; Điều 468; Khoản 2 điều 470 Bộ luật dân sự. Điều 228; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn H.

2. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn B và chị Giáp Thị Mười phải thanh toán trả cho vợ chồng anh Trương Văn H và chị Tống Thị T Anh số tiền gốc 90.000.000đ. Tiền lãi 5.985.000đ. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi: 95.985.000 (Chín mươi năm triệu chín trăm tám mươi năm nghìn đồng).

Về án phí: Anh Nguyễn Văn B và chị Giáp Thị Mười phải chịu 4.799.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Trương Văn H 2.340.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/0002870 ngày 28/11/2017.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Hành án có quyền chủ động ra quyết định thi Hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hành án của người được thi Hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hành án) cho đến khi thi Hành án xong tất cả các khoản tiền, Hng tháng bên phải thi Hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức 10%/ năm của số tiền còn phải thi Hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh